

# **Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam**

Báo cáo tài chính hợp nhất

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

# Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	5 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	9 - 10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	13 - 73

# Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam ("Tổng Công ty") là doanh nghiệp nhà nước, tiền thân là Tổng Công ty Xi măng Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 197/2006/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ và được đổi tên thành Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam theo Quyết định số 189/2007/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 6 tháng 12 năm 2007.

Công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam đã được chuyển đổi hình thức doanh nghiệp thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo Quyết định số 972/QĐ-TTg ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Một thành viên số 0100106320 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 1 tháng 7 năm 2011.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Tổng Công ty là:

- ▶ sản xuất, kinh doanh xi măng, đá vôi, thạch cao, clinker và bao bì xi măng;
- ▶ khai thác nguyên liệu và phụ gia;
- ▶ đầu tư các dự án xây dựng;
- ▶ lập báo cáo đầu tư, báo cáo nghiên cứu kỹ thuật, thẩm tra dự án, giám sát thi công, thiết kế; và
- ▶ các hoạt động kinh doanh khác theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Tổng Công ty có trụ sở chính tại số 228 Lê Duẩn, phường Trung Phụng, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

### HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Các thành viên Hội đồng Thành viên trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lương Quang Khải	Chủ tịch
Ông Trần Việt Thắng	Thành viên
Ông Lê Nam Khánh	Thành viên
Ông Phạm Văn Nhận	Thành viên
Ông Cái Hồng Thu	Thành viên

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Việt Thắng	Tổng giám đốc
Bà Trần Thị Minh Anh	Phó Tổng giám đốc
Ông Đinh Quang Dũng	Phó Tổng giám đốc
Ông Cái Hồng Thu	Phó Tổng giám đốc
Ông Bùi Hồng Minh	Phó Tổng giám đốc

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Việt Thắng, Tổng Giám đốc.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Tổng Công ty.

# Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tổng Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tổng Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tổng Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.



Tổng Giám đốc  
Trần Việt Thắng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2017

381  
CỘ  
7  
NST  
VIỆ  
CHI  
H  
V KI

**EY**Building a better  
working worldErnst & Young Vietnam Limited  
8th Floor, CornerStone Building  
16 Phan Chu Trinh Street  
Hoan Kiem District  
Hanoi, S.R. of VietnamTel : + 84 4 3831 5100  
Fax: + 84 4 3831 5090  
ey.com

Số tham chiếu: 61140097/ 18517363 - HN

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc  
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam và các công ty con (sau đây gọi chung là "Tổng Công ty"), được lập ngày 31 tháng 3 năm 2017 và được trình bày từ trang 5 đến trang 73, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

### *Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc*

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### *Trách nhiệm của Kiểm toán viên*

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

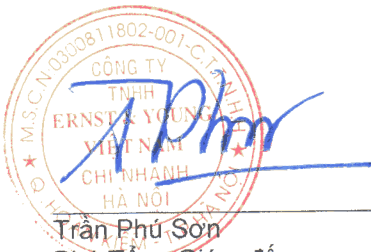
### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Như được trình bày tại Thuyết minh số 20 và Thuyết minh số 21, Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long, một công ty con của Tổng Công ty đã không ghi nhận các khoản lãi phạt chậm trả đối với các khoản vay từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam với tổng số tiền là 74,5 tỷ đồng (bao gồm lãi phạt chậm trả trên lãi là 48,6 tỷ đồng và lãi phạt chậm trả trên gốc là 25,9 tỷ đồng lũy kế đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, thời điểm trước khi Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long được chuyển giao về Tổng Công ty). Công ty này cũng không ghi nhận chi phí lãi vay phát sinh trong năm 2016 đối với các khoản vay từ Tổng Công ty Sông Đà. Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long và Tổng Công ty đang chờ phê duyệt chính thức từ các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền cho phép Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long không phải trả các khoản lãi nêu trên. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh nêu trên.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Trần Phú Sơn  
Phò Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0637-2013-004-1



Trịnh Xuân Hòa  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0754-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 31 tháng 3 năm 2017



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>8.825.914.991.215</b>	<b>8.980.979.940.008</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>5</b>	<b>2.331.133.740.446</b>	<b>3.134.410.039.462</b>
111	1. Tiền		2.155.242.974.515	2.914.897.986.514
112	2. Các khoản tương đương tiền		175.890.765.931	219.512.052.948
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>6</b>	<b>640.168.127.089</b>	<b>158.298.797.113</b>
121	1. Chứng khoán kinh doanh	6.1	10.776.291.414	10.776.291.414
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	6.1	(3.370.013.814)	(3.587.354.414)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	6.2	632.761.849.489	151.109.860.113
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>1.472.762.901.289</b>	<b>1.627.601.111.687</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	7	1.160.378.114.400	1.419.645.877.107
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		298.247.569.063	154.405.193.692
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn		-	5.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	120.062.054.919	127.147.023.546
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(109.583.863.113)	(81.022.865.924)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		3.659.026.020	2.425.883.266
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>9</b>	<b>4.158.568.878.056</b>	<b>3.882.566.144.236</b>
141	1. Hàng tồn kho		4.233.396.133.216	3.932.901.405.046
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(74.827.255.160)	(50.335.260.810)
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>223.281.344.335</b>	<b>178.103.847.510</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	69.017.388.097	71.157.841.736
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		139.690.676.685	94.571.351.211
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	14.558.279.553	12.374.654.563
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		15.000.000	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>35.804.411.428.996</b>	<b>32.040.284.124.442</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>57.059.651.168</b>	<b>42.804.169.019</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	78.070.131.389	63.814.649.240
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(21.010.480.221)	(21.010.480.221)
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>26.758.696.321.784</b>	<b>23.658.985.026.837</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	26.249.446.163.108	23.161.271.324.463
222	Nguyên giá		50.732.891.664.824	44.229.010.940.149
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(24.483.445.501.716)	(21.067.739.615.686)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	509.250.158.676	497.713.702.374
228	Nguyên giá		553.734.370.047	534.376.959.659
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(44.484.211.371)	(36.663.257.285)
<b>240</b>	<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>2.842.870.307.835</b>	<b>2.565.216.159.018</b>
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		16.721.139	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	2.842.853.586.696	2.565.216.159.018
<b>250</b>	<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>14</b>	<b>5.146.054.313.557</b>	<b>4.904.831.503.145</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		4.818.300.099.814	4.564.741.210.728
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		387.011.150.561	398.205.432.143
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(59.256.936.818)	(58.115.139.726)
<b>260</b>	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>999.730.834.652</b>	<b>868.447.266.423</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	599.106.127.682	435.724.971.915
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	31.3	30.612.245.503	33.109.388.285
263	3. Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn		359.465.934.347	387.401.137.975
269	4. Lợi thế thương mại		10.546.527.120	12.211.768.248
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>44.630.326.420.211</b>	<b>41.021.264.064.450</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Trình bày lại)
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>25.162.629.150.946</b>	<b>21.096.015.580.341</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>16.015.373.514.215</b>	<b>12.537.862.113.480</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16.1	2.559.603.469.495	2.690.357.172.338
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16.2	280.363.864.168	199.837.827.664
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	354.714.347.287	419.564.374.051
314	4. Phải trả người lao động		551.240.324.706	538.197.591.543
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	516.113.086.996	358.572.106.795
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	19	139.094.619.135	107.080.731.763
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	533.775.464.445	187.460.573.386
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21	10.793.846.458.837	7.799.025.197.115
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn		26.546.173.459	31.689.342.022
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	22	260.075.705.687	206.077.196.803
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>9.147.255.636.731</b>	<b>8.558.153.466.861</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	20	447.575.201.691	2.197.595.140
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	21	8.215.765.667.149	8.185.131.146.311
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	31.3	441.149.926.752	339.025.367.838
342	4. Dự phòng phải trả dài hạn		42.764.841.139	31.799.357.572